

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2026

| STT      |  | Khách hàng                         | Ngày làm TB | Số TB   | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện   | Loại than | SL làm TB      | SL thực rút    | SL còn lại     | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                            |
|----------|--|------------------------------------|-------------|---------|-----------------|-------------------|-----------|----------------|----------------|----------------|-----------|------------------|----------------------------|
|          |  | <b>TỔNG CỘNG</b>                   |             |         |                 |                   |           | <b>608 653</b> | <b>111 329</b> | <b>497 324</b> |           |                  |                            |
| <b>I</b> |  | <b>CẢNG CHÍNH</b>                  |             |         |                 |                   |           | <b>166 752</b> | <b>27 175</b>  | <b>139 577</b> |           |                  |                            |
|          |  | <i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i> |             |         |                 |                   |           | <b>24 950</b>  | <b>24 633</b>  | <b>317</b>     |           |                  |                            |
| 1        |  | ĐIỆN VŨNG ẮNG                      | 30/9        | 613/9   |                 | VIỆT THUẬN 235    | CÁM 5A.10 | 22 750         | 22 452         | 298            | 05/10     | HỘ LỚN           | TTCO: 22.750               |
| 2        |  | SX & TM THAN UÔNG BÍ               | 02/10       | 2347/10 | 09/10           | BN 2196           | CỤC XỔ 1C | 1 200          | 1 198          | 2              | 05/10     | TD               | GIA HẠN L2                 |
| 3        |  | XNK ANH KHOA                       | 04/10       | 2535/10 | 11/10           | BN 1666           | CỤC 4A.2  | 1 000          | 984            | 16             | 05/10     | TD               |                            |
|          |  | <i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>  |             |         |                 |                   |           | <b>32 360</b>  | <b>2 543</b>   | <b>29 818</b>  |           |                  |                            |
| 1        |  | NHÔM LÂM ĐÔNG                      | 04/10       | 2533/10 | 14/10           | HOÀNG ANH 88      | CÁM 5A.1  | 3 900          | 2 414          | 1 486          | RÓT DỖ    | HỘ LỚN           |                            |
| 2        |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                    | 01/10       | 625/10  |                 | HẢI NAM 79        | CÁM 6A.14 | 27 300         |                | 27 300         |           | HỘ LỚN           | TTCO: 20.300<br>CLM: 7.000 |
| 3        |  | XDCN MỎ                            | 28/9        | 2400/9  | 30/9            | BN 0719           | CỤC XỔ 1C | 1 160          | 129            | 1 032          | RÓT DỖ    | TD               | GIA HẠN L1                 |
|          |  | <i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i> |             |         |                 |                   |           | <b>109 442</b> |                | <b>109 442</b> |           |                  |                            |
| 1        |  | ĐẠM NINH BÌNH                      | 30/9        | 609/9   | 10/10           | NB 6695           | CÁM 4A.1  | 4 004          |                | 4 004          |           | HỘ LỚN           |                            |
| 2        |  | ĐIỆN VŨNG ẮNG                      | 28/9        | 604/9   |                 | HẢI NAM 88        | CÁM 5A.10 | 23 000         |                | 23 000         |           | HỘ LỚN           |                            |
| 3        |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 1                    | 01/10       | 626/10  |                 | VIỆT THUẬN 215-06 | CÁM 6A.1  | 20 600         |                | 20 600         |           | HỘ LỚN           |                            |
| 4        |  | ĐTTM VÀ DỊCH VỤ VINACOMIN          | 24/9        | 2435/9  | 30/9            | BN 2929           | CÁM 5B.1  | 3 200          |                | 3 200          |           | PTCB             |                            |
| 5        |  | TRƯỜNG ANH 888                     | 24/9        | 2184/9  | 30/9            | BN 2005           | CÁM 4B.1  | 1 542          |                | 1 542          |           | TD               | GIA HẠN L3                 |
| 6        |  | DVVT QUẢNG NINH                    | 28/9        | 2142/8  | 30/9            | BN 1798           | CÁM 4B.1  | 1 300          |                | 1 300          |           | TD               | GIA HẠN L3                 |
| 7        |  | DVVT QUẢNG NINH                    | 28/9        | 2221/8  | 30/9            | HN 2402           | CÁM 4B.1  | 1 900          |                | 1 900          |           | TD               | GIA HẠN L3                 |
| 8        |  | TRƯỜNG ANH 888                     | 24/9        | 2185/8  | 30/9            | BN 2203           | CÁM 4B.1  | 1 560          |                | 1 560          |           | TD               | GIA HẠN L3                 |
| 9        |  | COALIMEX                           | 01/10       | 2356/9  | 07/10           | BN 2366           | CÁM 4B.1  | 1 900          |                | 1 900          |           | TD               | GIA HẠN L2                 |
| 10       |  | ĐDTM VÀ DV VINACOMIN               | 23/9        | 2421/9  | 30/9            | HD 2095           | CÁM 4B.1  | 1 988          |                | 1 988          |           | TD               |                            |
| 11       |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                     | 29/9        | 2474/9  | 30/9            | BN 3228           | CÁM 4B.1  | 1 700          |                | 1 700          |           | TD               |                            |
| 12       |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                     | 29/9        | 2473/9  | 30/9            | HP 6124           | CÁM 4B.1  | 1 500          |                | 1 500          |           | TD               |                            |
| 13       |  | XNK ANH KHOA                       | 29/9        | 2469/9  | 30/9            | BN 2665           | CÁM 4B.1  | 2 430          |                | 2 430          |           | TD               |                            |
| 14       |  | VẬN TÀI THỦY                       | 29/9        | 2143/8  | 30/9            | BN 2115           | CÁM 4B.1  | 1 400          |                | 1 400          |           | TD               | GIA HẠN L4                 |
| 15       |  | DVVT QUẢNG NINH                    | 30/9        | 2478/9  | 30/9            | HP 6134           | CÁM 4B.1  | 1 960          |                | 1 960          |           | TD               |                            |
| 16       |  | DVVT QUẢNG NINH                    | 30/9        | 2477/9  | 30/9            | BN 2979           | CÁM 4B.1  | 1 900          |                | 1 900          |           | TD               |                            |
| 17       |  | VẬT TƯ MIKADO                      | 30/9        | 2223/9  | 30/9            | BN 2776           | CÁM 4B.1  | 1 800          |                | 1 800          |           | TD               | GIA HẠN L2                 |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2026

| STT |  | Khách hàng                          | Ngày làm TB | Số TB   | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện    | Loại than | SL làm TB      | SL thực rút   | SL còn lại     | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                                             |
|-----|--|-------------------------------------|-------------|---------|-----------------|--------------------|-----------|----------------|---------------|----------------|-----------|------------------|---------------------------------------------|
| 18  |  | KDT CẦU ĐUÔNG                       | 30/9        | 2492/9  | 30/9            | BN 1818            | CÁM 4B.1  | 1 982          |               | 1 982          |           | TD               |                                             |
| 19  |  | XNK THAN                            | 01/10       | 2499/9  | 07/10           | BN 2519            | CỤC XÔ 1C | 1 000          |               | 1 000          |           | TD               | GIA HẠN L1                                  |
| 20  |  | KDT MIỀN BẮC                        | 01/10       | 2446/9  | 10/10           | NEW GOLD           | CÁM 2A.1  | 24 000         |               | 24 000         |           | TD               |                                             |
| 21  |  | XNK ANH KHOA                        | 01/10       | 2508/10 | 07/10           | BN 1883            | CỤC XÔ 1C | 1 230          |               | 1 230          |           | TD               |                                             |
| 22  |  | DVVT QUẢNG NINH                     | 01/10       | 2509/10 | 07/10           | BN 1826            | CỤC XÔ 1C | 1 100          |               | 1 100          |           | TD               |                                             |
| 23  |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                      | 02/10       | 2519/10 | 09/10           | BN 2228            | CỤC XÔ 1C | 1 096          |               | 1 096          |           | TD               |                                             |
| 24  |  | VẬT TƯ MIKADO                       | 02/10       | 2522/10 | 09/10           | BN 3201            | CỤC 5A.1  | 1 960          |               | 1 960          |           | TD               |                                             |
| 25  |  | XDCN MỎ ĐÔNG BẮC                    | 02/10       | 2400/10 | 09/10           | BN 0719            | CỤC XÔ 1C | 1 160          |               | 1 160          |           | TD               | GIA HẠN L2                                  |
| 26  |  | TRƯỜNG ANH 888                      | 03/10       | 2528/10 | 10/10           | BN 2615            | CỤC XÔ 1C | 1 200          |               | 1 200          |           | TD               |                                             |
| 27  |  | VẬN TẢI THỦY                        | 04/10       | 2537/10 | 11/10           | HP 5097            | CỤC XÔ 1C | 1 030          |               | 1 030          |           | TD               |                                             |
|     |  | <u>Tàu chuyển tải</u>               |             |         |                 |                    |           | <u>215 950</u> | <u>39 760</u> | <u>176 190</u> |           |                  |                                             |
|     |  | <u>Tàu đã làm hàng</u>              |             |         |                 |                    |           |                |               |                |           |                  |                                             |
|     |  | <u>Tàu dự kiến rút trong ngày</u>   |             |         |                 |                    |           | <u>72 600</u>  | <u>39 760</u> | <u>32 840</u>  |           |                  |                                             |
| 1   |  | ĐIỆN VĨNH TÂN                       | 30/9        | 616/9   |                 | QUANG VINH DIAMOND | CÁM 6A.1  | 23 000         | 10 450        | 12 550         | BỐC DỖ    | HỘ LỚN           | TTHG: 20.000<br>KVCP: 3.000                 |
| 2   |  | KDT MIỀN BẮC                        | 03/10       | 614B/9  |                 | VIỆT THUẬN 30-05   | CÁM 5A.1  | 10 200         | 6 100         | 4 100          | BỐC DỖ    | PTCB             | TTHG: 28.600<br>Thay TBRT Số 614/9          |
|     |  |                                     |             |         |                 |                    | CÁM 5B.1  | 18 400         | 16 100        | 2 300          | BỐC DỖ    | PTCB             |                                             |
| 3   |  | KDT MIỀN BẮC                        | 03/10       | 615B/9  |                 | VTA OCEANUS        | CÁM 5A.1  | 15 400         | 5 050         | 10 350         | BỐC DỖ    | PTCB             | TTHG: 21.000                                |
|     |  |                                     |             |         |                 |                    | CÁM 5B.1  | 5 600          | 2 060         | 3 540          | BỐC DỖ    | PTCB             |                                             |
|     |  | <u>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</u> |             |         |                 |                    |           | <u>143 350</u> |               | <u>143 350</u> |           |                  |                                             |
| 1   |  | ĐIỆN VŨNG ÁNG                       | 01/10       | 627/10  |                 | TRƯỜNG NGUYỄN STAR | CÁM 5A.10 | 23 300         |               | 23 300         |           | HỘ LỚN           | CLM: 18.000<br>KVDB: 5.300                  |
| 2   |  | ĐIỆN VŨNG ÁNG                       | 01/10       | 622/10  |                 | VIỆT THUẬN 235-01  | CÁM 5A.14 | 23 000         |               | 23 000         |           | HỘ LỚN           | KDTCP: 10.000<br>CLM: 13.000                |
| 3   |  | ĐIỆN DUYÊN HẢI                      | 03/10       | 629/10  |                 | VINACOMIN 30-01    | CÁM 6A.14 | 26 600         |               | 26 600         |           | HỘ LỚN           | CLM: 16.600<br>KDTCP: 10.000                |
| 4   |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                     | 03/10       | 630/10  |                 | VINACOMIN STAR     | CÁM 6A.10 | 41 250         |               | 41 250         |           | HỘ LỚN           | KDTCP: 11.000<br>CLM: 22.000<br>KVCP: 8.250 |
| 5   |  | ĐIỆN VĨNH TÂN                       | 03/10       | 631/10  |                 | VIỆT THUẬN 30-06   | CÁM 6A.1  | 29 200         |               | 29 200         |           | HỘ LỚN           | TTHG: 25.000<br>KVCP: 4.200                 |
| II  |  | <u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>              |             |         |                 |                    |           | <u>69 933</u>  | <u>10 105</u> | <u>59 828</u>  |           |                  |                                             |
|     |  | <u>Tàu đã làm hàng</u>              |             |         |                 |                    |           | <u>7 077</u>   | <u>7 021</u>  | <u>56</u>      |           |                  |                                             |
| 1   |  | XNK ANH KHOA                        | 02/10       | 2523/10 | 09/10           | TRIỆU PHÚ 256      | CÁM 8A    | 3 200          | 3 161         | 39             | 05/10     | TD               | NGUỒN ĐN-C6                                 |

## CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2026

| STT |  | Khách hàng                        | Ngày làm TB | Số TB   | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện      | Loại than  | SL làm TB     | SL thực rút  | SL còn lại    | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                                 |
|-----|--|-----------------------------------|-------------|---------|-----------------|----------------------|------------|---------------|--------------|---------------|-----------|------------------|---------------------------------|
| 2   |  | TRƯỜNG ANH 888                    | 01/10       | 2514/10 | 07/10           | QN 7488              | CẨM 8A     | 1 904         | 1 902        | 2             | 05/10     | TD               | NGUỒN CS                        |
| 3   |  | VẬN TẢI THỦY                      | 02/10       | 2524/10 | 09/10           | QN 8265              | CẨM 8A     | 1 973         | 1 957        | 16            | 05/10     | TD               | NGUỒN CS                        |
|     |  | <i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i> |             |         |                 |                      |            | <i>7 316</i>  | <i>3 085</i> | <i>4 232</i>  |           |                  |                                 |
| 1   |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                    | 24/9        | 2434/9  | 30/9            | BN 3046              | CỤC 1B     | 1 600         | 1 238        | 362           | RÓT DỖ    | TD               | NGUỒN TN                        |
| 2   |  | TRƯỜNG ANH 888                    | 04/10       | 2496/9  | 11/10           | HÀ DƯƠNG 19          | CẨM 8A     | 2 150         | 1 847        | 303           | RÓT DỖ    | TD               | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L1       |
| 3   |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                    | 02/10       | 2495/9  | 09/10           | BN 0679              | CỤC XỔ 1C  | 1 266         |              | 1 266         |           | TD               | NGUỒN KC<br>GIA HẠN L1          |
| 4   |  | VT & KDT                          | 04/10       | 2507/9  | 11/10           | BN 2382              | CẨM 8A     | 1 200         |              | 1 200         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L1       |
| 5   |  | SX & TM THAN UÔNG BÍ              | 05/10       | 2166/8  | 12/10           | BN 1997              | CỤC XỔ 1A  | 550           |              | 550           |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L4       |
|     |  |                                   |             |         |                 | CỤC XỔ 1B            | 550        |               |              | 550           |           | TD               |                                 |
|     |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i>            |             |         |                 |                      |            | <i>55 540</i> |              | <i>55 540</i> |           |                  |                                 |
| 1   |  | ĐẠM HÀ BẮC                        | 05/10       | 636/10  | 15/10           | 2 TB 115             | CẨM 4A.1   | 2 390         |              | 2 390         |           | HỘ LỚN           |                                 |
| 2   |  | KDT BẮC TRUNG BỘ                  | 30/9        | 2480/9  | 5/10            | NB 2952              | CẨM 7B     | 1 040         |              | 1 040         |           | PTCB             | NGUỒN ĐN-C6                     |
| 3   |  | KDT HÀ NỘI                        | 22/9        | 2418/9  | 30/9            | BN 1879              | CẨM 8A     | 1 000         |              | 1 000         |           | TD               |                                 |
| 4   |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                    | 22/9        | 2411/9  | 30/9            | BN 2158              | CỤC XỔ 1A  | 1 538         |              | 1 538         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6                     |
| 5   |  | VT QUẢNG NINH                     | 23/9        | 2191/8  | 30/9            | BN 2189              | CỤC 1B     | 1 100         |              | 1 100         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6                     |
| 6   |  | XNK THAN                          | 26/9        | 2283/9  | 30/9            | BN 0757              | CỤC XỔ 1B  | 1 100         |              | 1 100         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L2       |
| 7   |  | VẬN TẢI THỦY                      | 28/9        | 2458/9  | 30/9            | QN 8236              | CẨM 4A.1   | 3 000         |              | 3 000         |           | TD               | NGUỒN KVCP                      |
| 8   |  | KDT CẦU ĐUÔNG                     | 29/9        | 2472/9  | 30/9            | BN 1386              | CỤC XỔ 1A  | 1 000         |              | 1 000         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6                     |
| 9   |  | THAN MIỀN NAM                     | 29/9        | 2468/9  | 30/9            | BN 1336 (ĐÁP CẦU 36) | CẨM 8A     | 1 020         |              | 1 020         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6                     |
| 10  |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                    | 29/9        | 2471/9  | 30/9            | BN 2646              | CỤC ĐON 8C | 1 030         |              | 1 030         |           | TD               | NGUỒN HL                        |
| 11  |  | XNK VTA                           | 29/9        | 2378/9  | 30/9            | BN 2267              | CỤC XỔ 1B  | 1 290         |              | 1 290         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L1       |
| 12  |  | THAN MIỀN TRUNG                   | 30/9        | 2476/9  | 30/9            | Ả ĐỒNG 23            | CỤC XỔ 1A  | 1 500         |              | 1 500         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6                     |
| 13  |  | KDT CẦU ĐUÔNG                     | 29/9        | 2494/9  | 30/9            | BN 0695              | CỤC XỔ 1B  | 900           |              | 900           |           | TD               | NGUỒN TN                        |
| 14  |  | DVVT QUẢNG NINH                   | 29/9        | 2493/9  | 30/9            | BN 0766              | CỤC XỔ 1B  | 750           |              | 750           |           | TD               | NGUỒN TN                        |
| 15  |  | VẬN TẢI THỦY                      | 30/9        | 2497/9  | 30/9            | HD 3529              | CẨM 8A     | 2 310         |              | 2 310         |           | TD               | NGUỒN CS<br>Thay TBRT Số 2441/9 |
| 16  |  | KDT CẦU ĐUÔNG                     | 30/9        | 2502/9  | 30/9            | BN 3040              | CẨM 8A     | 1 964         |              | 1 964         |           | TD               |                                 |
| 17  |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                    | 30/9        | 2500/9  | 30/9            | BN 1758              | CỤC XỔ 1B  | 1 102         |              | 1 102         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6                     |
| 18  |  | CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA          | 30/9        | 2504/9  | 30/9            | HD 2299              | CẨM 8A     | 1 970         |              | 1 970         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6                     |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2026

| STT        |  | Khách hàng                        | Ngày làm TB | Số TB   | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện       | Loại than | SL làm TB     | SL thực rút   | SL còn lại    | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                           |
|------------|--|-----------------------------------|-------------|---------|-----------------|-----------------------|-----------|---------------|---------------|---------------|-----------|------------------|---------------------------|
| 19         |  | VT & KDT                          | 30/9        | 2503/9  | 30/9            | BN 1468               | CẨM 8A    | 1 000         |               | 1 000         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6               |
| 20         |  | HÀNG HẢI VIỆT NAM                 | 30/9        | 2506/9  | 30/9            | HD 9189               | CẨM 8A    | 2 300         |               | 2 300         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6               |
| 21         |  | VT & KDT                          | 30/9        | 2505/9  | 30/9            | NB 8530               | CỤC XỎ 1B | 1 200         |               | 1 200         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6               |
| 22         |  | XNK ANH KHOA                      | 01/10       | 2205/9  | 07/10           | VP 2882               | CẨM 8A    | 1 960         |               | 1 960         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L5 |
| 23         |  | VẬN TẢI THỦY                      | 01/10       | 2154/9  | 07/10           | HD 1818               | CẨM 8A    | 1 981         |               | 1 981         |           | TD               | NGUỒN CS<br>GIA HẠN L4    |
| 24         |  | ĐTKS ĐỒNG BẮC                     | 01/10       | 2461/9  | 07/10           | HY 0709               | CẨM 8A    | 1 925         |               | 1 925         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L1 |
| 25         |  | SX & TM THAN UỐNG BÍ              | 01/10       | 2385/9  | 07/10           | HẢI ÂU 199            | CẨM 8A    | 2 300         |               | 2 300         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L2 |
| 26         |  | THAN MIỀN NAM                     | 02/10       | 2521/10 | 09/10           | TIẾN THỊNH 09         | CẨM 8A    | 1 700         |               | 1 700         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6               |
| 27         |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                    | 02/10       | 2538/10 | 11/10           | HD 2225               | CẨM 8A    | 1 040         |               | 1 040         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6               |
| 28         |  | XNK THAN                          | 03/10       | 2283/9  | 10/10           | BN 0757               | CỤC XỎ 1B | 1 100         |               | 1 100         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6<br>GIA HẠN L3 |
| 29         |  | THAN SỐNG HỒNG                    | 04/10       | 2536/10 | 11/10           | TNG 0889              | CẨM 8A    | 990           |               | 990           |           | TD               | NGUỒN CS                  |
| 30         |  | ĐTTM & DỊCH VỤ                    | 04/10       | 2538/10 | 11/10           | HD 2225               | CẨM 8A    | 1 040         |               | 1 040         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6               |
| 31         |  | KSDV HẢI DƯƠNG                    | 05/10       | 2547/10 | 12/10           | BN 2991               | CẨM 8A    | 3 290         |               | 3 290         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6               |
| 32         |  | DVVT QUẢNG NINH                   | 05/10       | 2549/10 | 12/10           | NAM ANH 69            | CẨM 8A    | 1 450         |               | 1 450         |           | TD               | NGUỒN ĐN-C6               |
| 33         |  | MV CHARIKLIA JUNIOR               | 03/10       | 5086/10 |                 | QNL-TĐ 10             | TNK-ÚC    | 6 260         |               | 6 260         |           |                  |                           |
| <b>III</b> |  | <b>KHO BẢO NGUYÊN</b>             |             |         |                 |                       |           | <b>6 740</b>  | <b>-</b>      | <b>6 740</b>  |           |                  |                           |
|            |  | <i>Tàu đã làm hàng</i>            |             |         |                 |                       |           |               |               |               |           |                  |                           |
|            |  | <i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i> |             |         |                 |                       |           |               |               |               |           |                  |                           |
|            |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i>            |             |         |                 |                       |           | <b>6 740</b>  |               | <b>6 740</b>  |           |                  |                           |
| 1          |  | ĐIỆN PHẢ LẠI                      | 02/10       | 611B/9  | 12/10           | DỪNG SƠN 88 (HP 6729) | CẨM 5B.10 | 4 426         |               | 4 426         |           | HỘ LỚN           | Thay TBRT 611/9           |
| 2          |  | ĐIỆN PHẢ LẠI                      | 05/10       | 633/10  | 15/10           | TB 1716               | CẨM 5B.10 | 2 314         |               | 2 314         |           | HỘ LỚN           |                           |
| <b>IV</b>  |  | <b>KHO CẢNG KM6</b>               |             |         |                 |                       |           | <b>39 178</b> | <b>16 349</b> | <b>22 830</b> |           |                  |                           |
|            |  | <i>Tàu đã làm hàng</i>            |             |         |                 |                       |           | <b>13 589</b> | <b>13 530</b> | <b>59</b>     |           |                  |                           |
| 1          |  | NHÓM LÂM ĐỒNG                     | 03/10       | 2530/10 | 05/10           | HOÀNG ANH 36          | CẨM 5A.1  | 3 050         | 3 045         | 5             | 05/10     | HỘ LỚN           |                           |
| 2          |  | KDT MIỀN BẮC                      | 04/10       | 2532/10 | 14/10           | HP 5776               | CẨM 6B.1  | 5 064         | 5 037         | 27            | 05/10     | PTCB             |                           |
| 3          |  | KDT MIỀN BẮC                      | 04/10       | 2539/10 | 14/10           | HP 4910               | CẨM 6A.1  | 2 155         | 2 145         | 10            | 05/10     | PTCB             |                           |
| 4          |  | KDT HẢI PHÒNG                     | 05/10       | 2544/10 | 15/10           | HD 8855               | CẨM 6B.1  | 2 320         | 2 312         | 8             | 05/10     | PTCB             |                           |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2026

| STT       |  | Khách hàng                 | Ngày làm TB | Số TB                   | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than       | SL làm TB     | SL thực rót   | SL còn lại    | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                                              |
|-----------|--|----------------------------|-------------|-------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|---------------|---------------|-----------|------------------|----------------------------------------------|
| 5         |  | TRƯỜNG ANH 888             | 01/10       | 2513/10                 | 10/10           | BN 1939         | CỤC XỔ 1B       | 1 000         | 993           | 7             | 05/10     | TD               | NGUỒN QH<br>Thay TBRT 2464/9                 |
|           |  | Tàu dự kiến rót trong ngày |             |                         |                 |                 |                 | 10 794        | 2 818         | 7 976         |           |                  |                                              |
| 1         |  | KDT MIỀN BẮC               | 05/10       | 2540/10                 | 15/10           | HP 5806         | CÁM 6B.1        | 5 064         | 2 818         | 2 246         | RÓT DỖ    | PTCB             |                                              |
| 2         |  | CROMIT CỎ ĐÌNH THANH HÓA   | 05/10       | 2545/10                 | 15/10           | NAM KHÁNH 86    | CÁM 5B.1        | 3 000         |               | 3 000         |           | PTCB             |                                              |
| 3         |  | KDT HẢI PHÒNG              | 05/10       | 2548/10                 | 15/10           | BN 2329         | CÁM 6B.1        | 1 500         |               | 1 500         |           | PTCB             |                                              |
| 4         |  | XNK ANH KHOA               | 05/10       | 2541/10                 | 12/10           | BN 1865         | CỤC ĐON 8A      | 1 230         |               | 1 230         |           | TD               | NGUỒN QH                                     |
|           |  | Tàu đã làm lệnh            |             |                         |                 |                 |                 | 14 795        |               | 14 795        |           |                  |                                              |
| 1         |  | NHÓM LÂM ĐỒNG              | 04/10       | 2533/10                 | 14/10           | HOÀNG ANH 88    | CÁM 5A.1        | 3 900         |               | 3 900         |           | HỘ LỎN           |                                              |
| 2         |  | KDT MIỀN BẮC               | 05/10       | 2546/10                 | 15/10           | BN 2728         | CÁM 6A.1        | 2 585         |               | 2 585         |           | PTCB             |                                              |
| 3         |  | THÁI SƠN HP                | 02/10       | 2485/9                  | 09/10           | HP 7227         | CỤC XỔ 1B       | 1 200         |               | 1 200         |           | TD               | NGUỒN QH<br>GIA HẠN L1                       |
| 4         |  | DVVT QUẢNG NINH            | 30/9        | 2484/9                  | 30/9            | BN 2618         | CỤC XỔ 1B       | 1 600         |               | 1 600         |           | TD               | NGUỒN DH                                     |
| 5         |  | VT & KDT                   | 30/9        | 2489/9                  | 30/9            | PT 2698         | CỤC XỔ 1B       | 1 100         |               | 1 100         |           | TD               | NGUỒN QH                                     |
| 6         |  | XNK VTA                    | 30/9        | 2487/9                  | 30/9            | HP 5097         | CỤC XỔ 1B       | 1 100         |               | 1 100         |           | TD               | NGUỒN QH                                     |
| 7         |  | VT & KDT                   | 05/10       | 2543/10                 | 12/10           | BN 0988         | CỤC ĐON 6B      | 1 060         |               | 1 060         |           | TD               | NGUỒN QH<br>Thay TBRT 2486/9                 |
| 8         |  | SX & TM THAN UÔNG BÍ       | 30/9        | 2498/9                  | 30/9            | BN 1309         | CỤC ĐON 8A      | 1 100         |               | 1 100         |           | TD               | NGUỒN QH                                     |
| 9         |  | ĐTTM & DỊCH VỤ             | 05/10       | 2542/10                 | 12/10           | BN 2009         | CỤC XỔ 1B       | 1 150         |               | 1 150         |           | TD               | NGUỒN DH                                     |
| <u>V</u>  |  | <u>TÀU XUẤT KHẨU</u>       |             |                         |                 |                 |                 | <u>85 100</u> | -             | <u>85 100</u> |           |                  |                                              |
|           |  | Tàu đã làm hàng            |             |                         |                 |                 |                 |               |               |               |           |                  |                                              |
|           |  | Tàu dự kiến rót trong ngày |             |                         |                 |                 |                 | 30 100        |               | 30 100        |           |                  |                                              |
| 1         |  | NHẬT BẢN                   | 03/10       | 6974                    |                 | MV STAR TYCHE   | CÁM 3B.1        | 30 100        |               | 30 100        |           |                  | KVCP: 10.100<br>TTHG: 15.000<br>KDTMB: 5.000 |
|           |  | Tàu đã làm lệnh            |             |                         |                 |                 |                 | 55 000        |               | 55 000        |           |                  |                                              |
| 1         |  | SINGAPORE                  | 9/9         | 6331                    |                 | MV LMZ PHOEBE   | CỤC 4B.3 (1,43) | 25 000        |               | 25 000        |           |                  | KVĐB: 50.000                                 |
|           |  |                            |             |                         |                 |                 | CỤC 4B.3 (1,75) | 25 000        |               | 25 000        |           |                  |                                              |
| 2         |  | THÁI LAN                   | 9/9         | 6336                    |                 | MV MINH ANH 09  | CỤC 4B.3        | 5 000         |               | 5 000         |           |                  | KVĐB: 5.000                                  |
| <u>VI</u> |  | <u>TÀU NHẬP KHẨU</u>       |             | <u>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</u> |                 |                 |                 | <u>25 000</u> | <u>17 940</u> | <u>7 060</u>  |           |                  |                                              |
|           |  | Tàu đã làm hàng            |             |                         |                 |                 |                 |               |               |               |           |                  |                                              |
|           |  | Tàu dự kiến rót trong ngày |             |                         |                 |                 |                 | 25 000        | 17 940        | 7 060         |           |                  |                                              |

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ**

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2026

[illegible]























































































































